

Ngày: 19-5-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 19-5-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1008/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Hữu L, sinh năm 197; Thường trú: Cách Mạng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; *Chỗ ở hiện nay*: Thành C, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Hồ Phi L, sinh năm 197; Thường trú: Cách Mạng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: Lê Đình T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-11-2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Phạm Thị Hữu L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hữu L và ông Lâm Hồ Phi L tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 02 ngày 07-7-2000.

Vợ chồng chung sống được 13 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tôn giáo, cách chăm sóc dạy dỗ con. Ông L thường xuyên uống rượu, mỗi lần say thì xúc phạm gia đình bà. Vợ chồng sống ly thân gần 05

năm nhưng vẫn ở chung nhà để lo cho con. Gần đây, ông L thường xuyên gây gổ với bà và con, không chịu đựng nổi, bà và con thuê chỗ khác ở. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.

- *Về quan hệ con chung*: Bà và ông L có một con chung tên Lâm Hoàng L, sinh ngày 13-5-20. Do con chung là con gái, đang tuổi phát triển và đang ở với bà nên khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung* : Bà và ông L không có tài sản chung

- *Về nợ chung*: Bà và ông L không có tài sản chung.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Hồ Phi L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông xác nhận lời trình bày của bà L về quá trình kết hôn và chung sống là đúng.

Ông L xác nhận do tính chất công việc nên ông có nhậu, nhưng ông vẫn chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên gần 2 năm nay do ảnh hưởng của dịch Covid nên công việc của ông gặp nhiều khó khăn nhưng bà L không chia sẻ, buồn bực nên ông có nhậu nhiều hơn, trong lúc say thiếu kiềm chế ông có xúc phạm bà L nên vợ chồng có cãi nhau, bà L và con thuê nhà ở riêng hơn 01 tháng nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị bà L cho ông có thêm thời gian để sửa chữa, hàn gắn tình cảm vợ chồng lo cho con.

- *Về quan hệ con chung*: Ông và bà L có một con chung tên Lâm Hoàng L, sinh ngày 13-5-20. Hiện tại con chung đang ở với bà L. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông và bà L không có tài sản chung

- *Về nợ chung*: Ông và bà L không có nợ chung

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà Lvăn giữ yêu cầu khởi kiện

- Ông L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật* : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn Châu T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07-7-200, thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông L cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà L yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 31/3/2021, ông Lâm Hồ Phi L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L yêu cầu ly hôn. Ông L không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần xem xét.

Xét, trong quá trình giải quyết, ông L xác nhận khi nhậu say, ông có xúc phạm vợ con dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn ở chung hơn 01 tháng nay. Ông L không đồng ý ly hôn, đề nghị cho thời gian sửa chữa nhưng không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và đề nghị này không được bà L chấp nhận. Tại phiên tòa, bà L xác nhận không còn tình cảm với ông L, không muốn tiếp tục chung sống với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà L và ông L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận có một con chung tên Lâm Hoàng L, sinh ngày 13-5-20. Khi ly hôn, bà L và ông L cùng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét, bà L khai làm công việc tự do nên chủ động thời gian chăm sóc con, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng. Ông L có yêu cầu nuôi con nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì hiện tại con chung đang ở cùng với bà L và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét, việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi của trẻ. Mặt khác, con chung là con gái, đang tuổi phát triển về tâm sinh lý cần sự quan tâm chia sẻ của mẹ nhiều hơn, do đó, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của trẻ, tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho trẻ, phù hợp với nguyện vọng của trẻ và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà L không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071368 ngày 20-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hữu L

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Hữu L được ly hôn với ông Lâm Hồ Phi L

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 02 ngày 07-7-20 do Ủy ban nhân dân thị trấn Châu T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho bà L và ông L hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- *Về quan hệ con chung*: Hai bên xác nhận có một con chung tên Lâm Hoàng L, sinh ngày 13-5-20. Khi ly hôn, bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông L do bà L không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung*: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo Biên lai thu

tiền số 0071368 ngày 20-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Lý đã nộp đủ án phí

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà Phạm Thị Hữu L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Hồ Phi L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND thị trấn Châu T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai